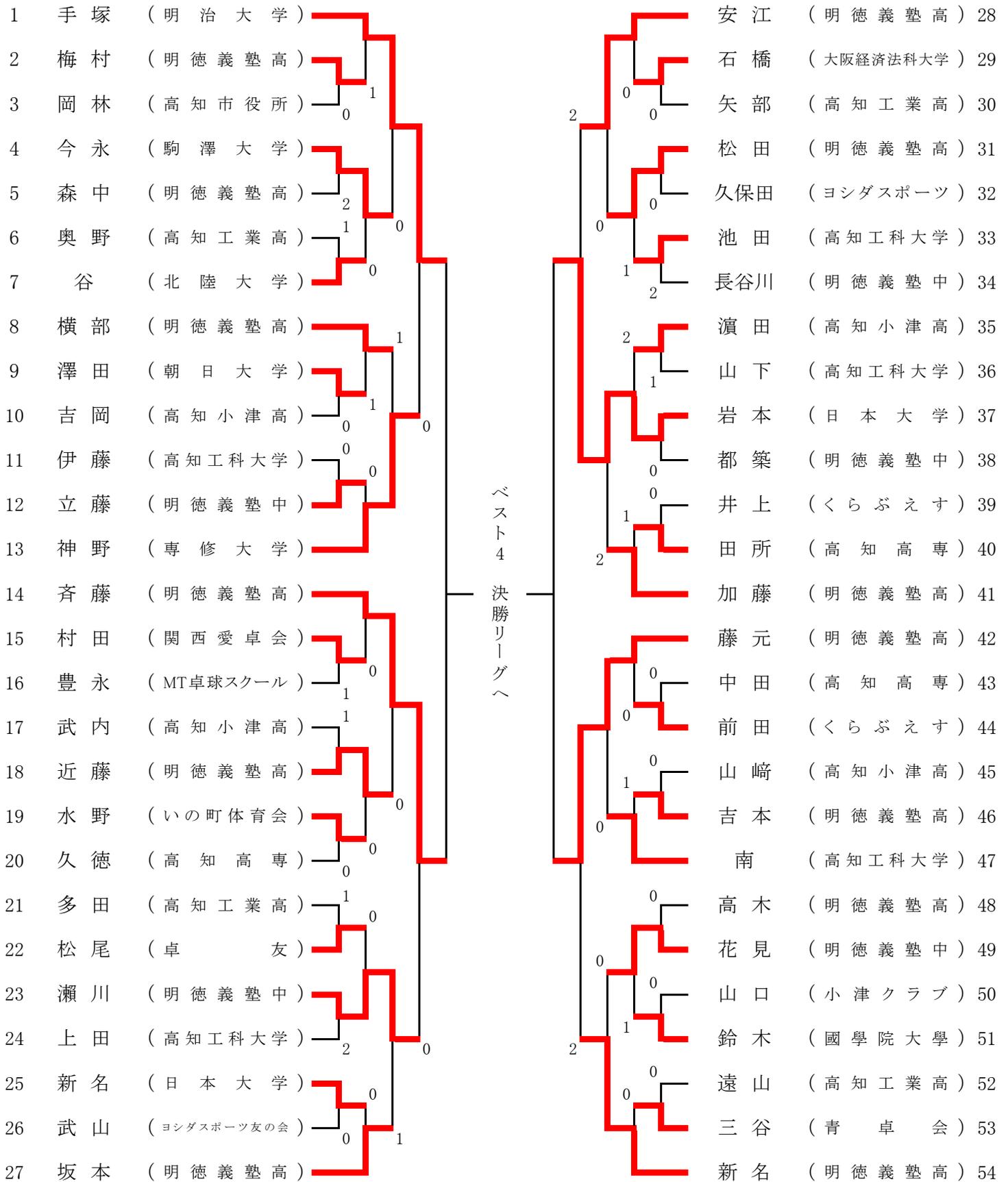
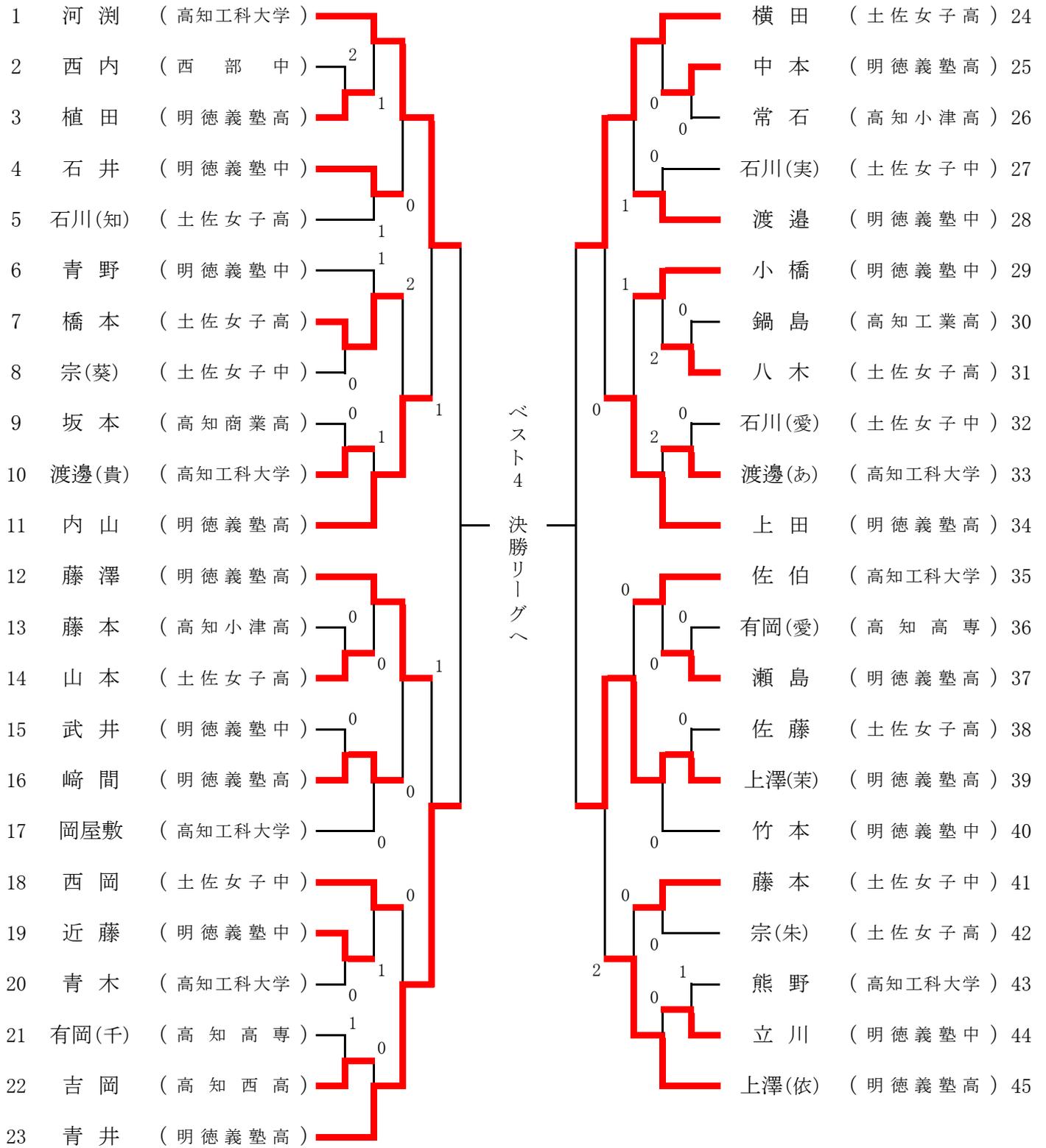


男子シングルス

全日本選手権(一般・ジュニアの部)予選会
くろしおアリーナ 2021.10.9・10



女子シングルス



推 薦 白山 亜美(明徳義塾高) 前年度全日本選手権ジュニアベスト4

岡田 琴菜(愛知工業大学) 2020年度四国選手権(一般・ジュニアの部)女子シングルス優勝(四国ブロック枠)

男子シングルス 決勝リーグ

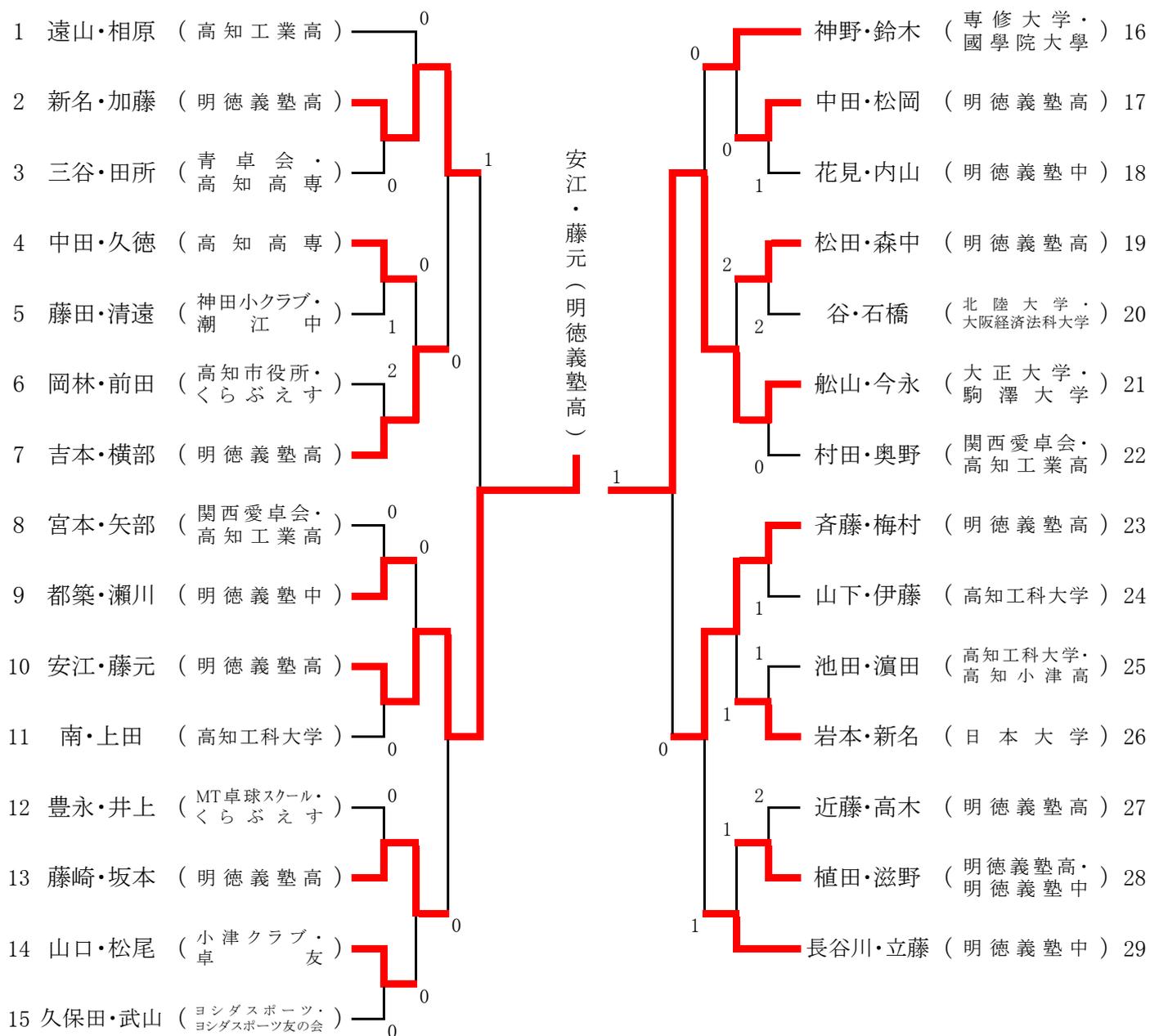
	手塚 (明治大学)	藤元 (明德義塾高)	岩本 (日本大学)	斉藤 (明德義塾高)	勝敗	順位
1	手塚 (明治大学)	1	3	3	2-1	1
2	藤元 (明德義塾高)	3	1	3	2-1	2
3	岩本 (日本大学)	0	3	3	2-1	3
4	斉藤 (明德義塾高)	0	1	0	0-3	4

1~3位は、3者間の得失ゲーム率による

女子シングルス 決勝リーグ

	河渕 (高知工科大学)	上澤(茉) (明德義塾高)	横田 (土佐女子高)	青井 (明德義塾高)	勝敗	順位
1	河渕 (高知工科大学)	2	1	2	0-3	4
2	上澤(茉) (明德義塾高)	3	0	0	1-2	3
3	横田 (土佐女子高)	3	3	0	2-1	2
4	青井 (明德義塾高)	3	3	3	3-0	1

男子ダブルス



準決勝

新名・加藤 (明德義塾高)	1	9 - 11 11 - 8 7 - 11 6 - 11	3	安江・藤元 (明德義塾高)
------------------	---	--------------------------------------	---	------------------

決勝

安江・藤元 (明德義塾高)	3	11 - 9 4 - 11 11 - 7 12 - 10	1	船山・今永 (大正大学・駒澤大学)
------------------	---	---------------------------------------	---	----------------------

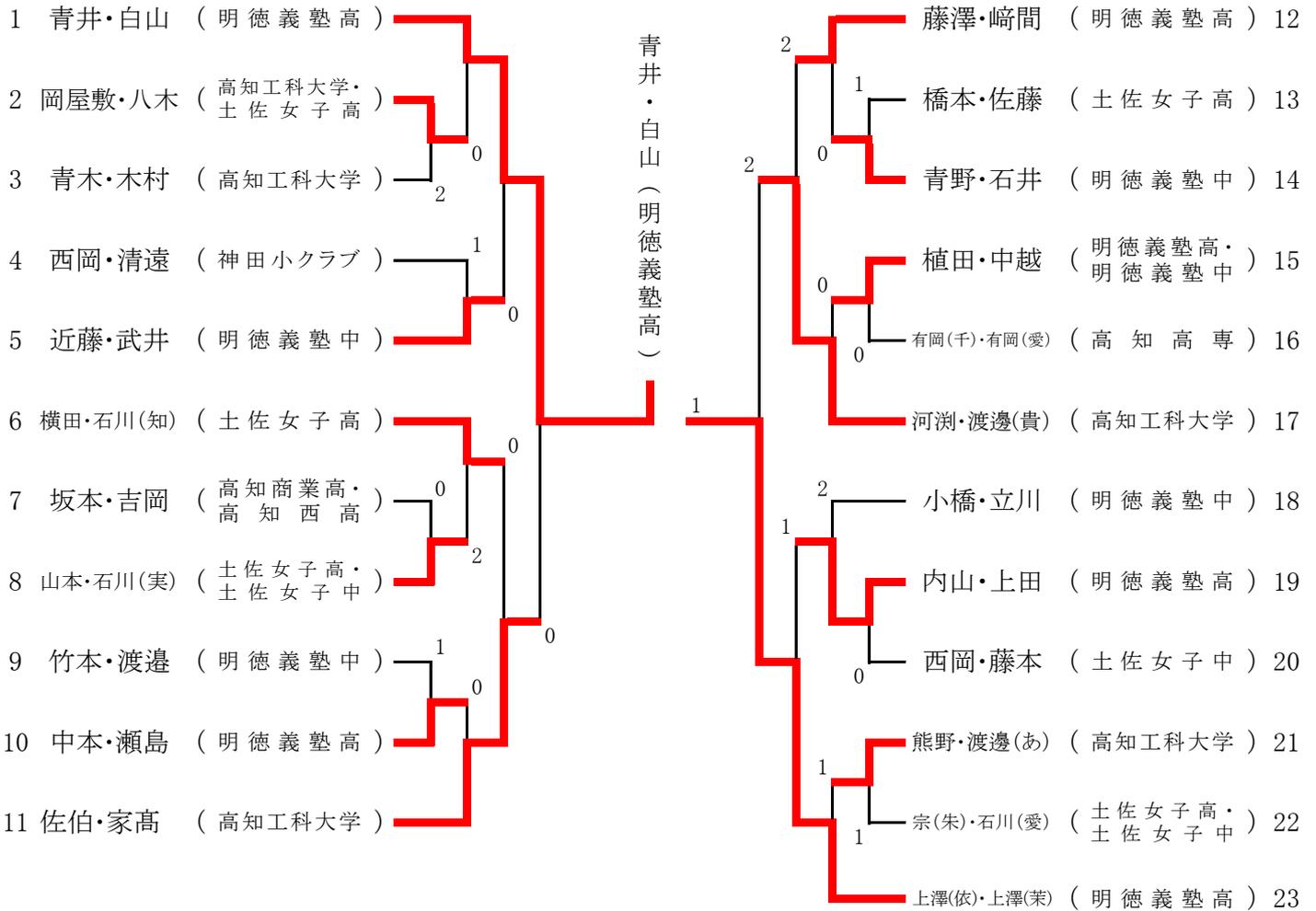
準決勝

船山・今永 (大正大学・駒澤大学)	3	11 - 9 11 - 9 16 - 14	0	斉藤・梅村 (明德義塾高)
----------------------	---	-----------------------------	---	------------------

3・4位決定戦

新名・加藤 (明德義塾高)	3	12 - 10 11 - 4 8 - 11 12 - 10	1	斉藤・梅村 (明德義塾高)
------------------	---	--	---	------------------

女子ダブルス



準決勝

青井・白山 (明徳義塾高)	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>8</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> </table>	11	-	8	11	-	4	11	-	7	0	佐伯・家高 (高知工科大学)
11	-	8											
11	-	4											
11	-	7											

決勝

青井・白山 (明徳義塾高)	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>3</td></tr> <tr><td>4</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>1</td></tr> </table>	11	-	6	11	-	3	4	-	11	11	-	1	1	上澤(依)・上澤(茉) (明徳義塾高)
11	-	6														
11	-	3														
4	-	11														
11	-	1														

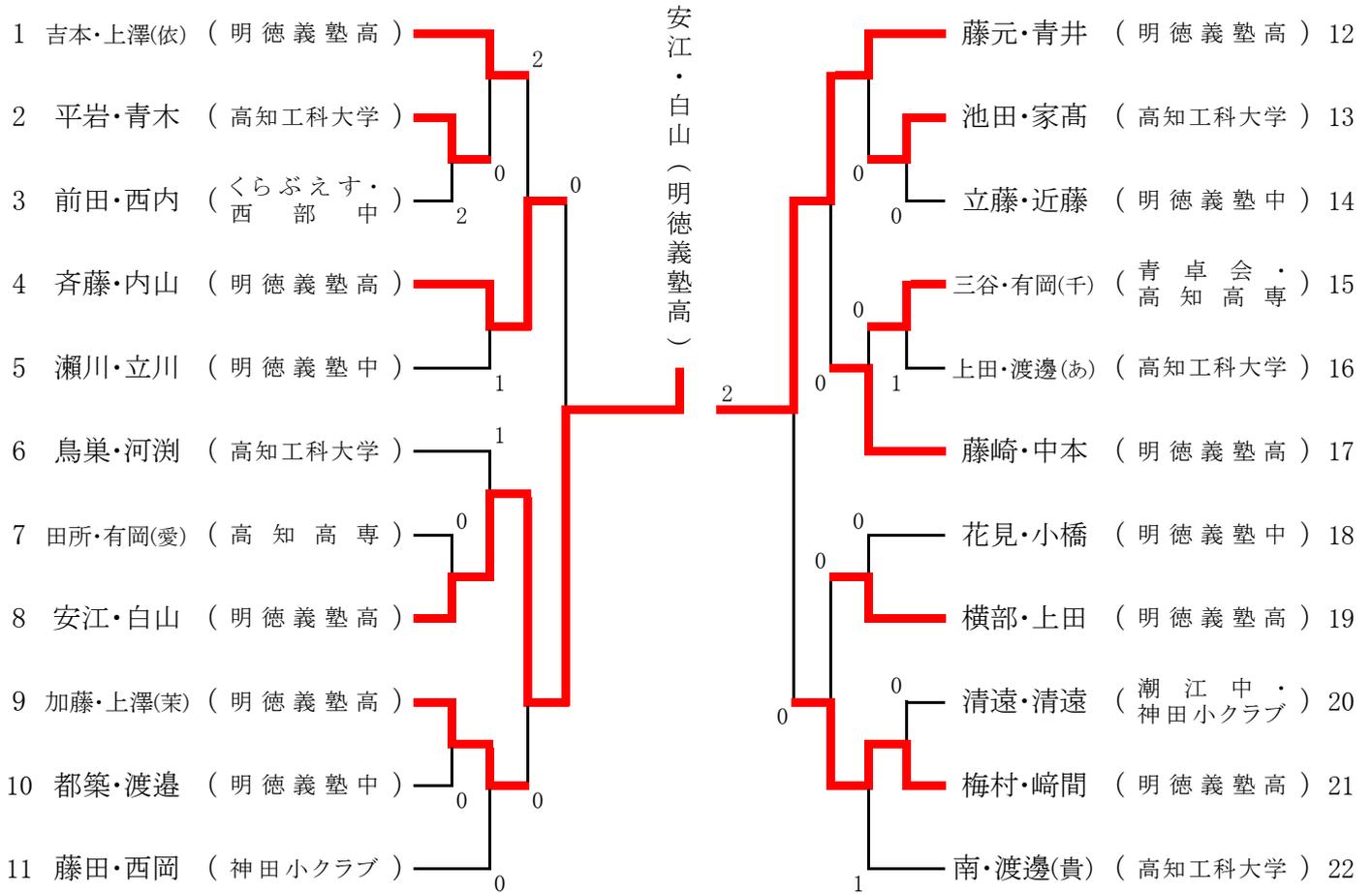
準決勝

河淵・渡邊(貴) (高知工科大学)	2	<table border="1"> <tr><td>5</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>9</td></tr> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>9</td></tr> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> </table>	5	-	11	11	-	9	9	-	11	11	-	9	9	-	11	3	上澤(依)・上澤(茉) (明徳義塾高)
5	-	11																	
11	-	9																	
9	-	11																	
11	-	9																	
9	-	11																	

3・4位決定戦

佐伯・家高 (高知工科大学)	2	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>9</td></tr> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>13</td></tr> </table>	11	-	9	9	-	11	11	-	6	7	-	11	11	-	13	3	河淵・渡邊(貴) (高知工科大学)
11	-	9																	
9	-	11																	
11	-	6																	
7	-	11																	
11	-	13																	

混合ダブルス



準決勝

斉藤・内山 (明徳義塾高)	0	<table border="1"> <tr><td>8</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>8</td><td>-</td><td>11</td></tr> </table>	8	-	11	7	-	11	8	-	11	3	安江・白山 (明徳義塾高)
8	-	11											
7	-	11											
8	-	11											

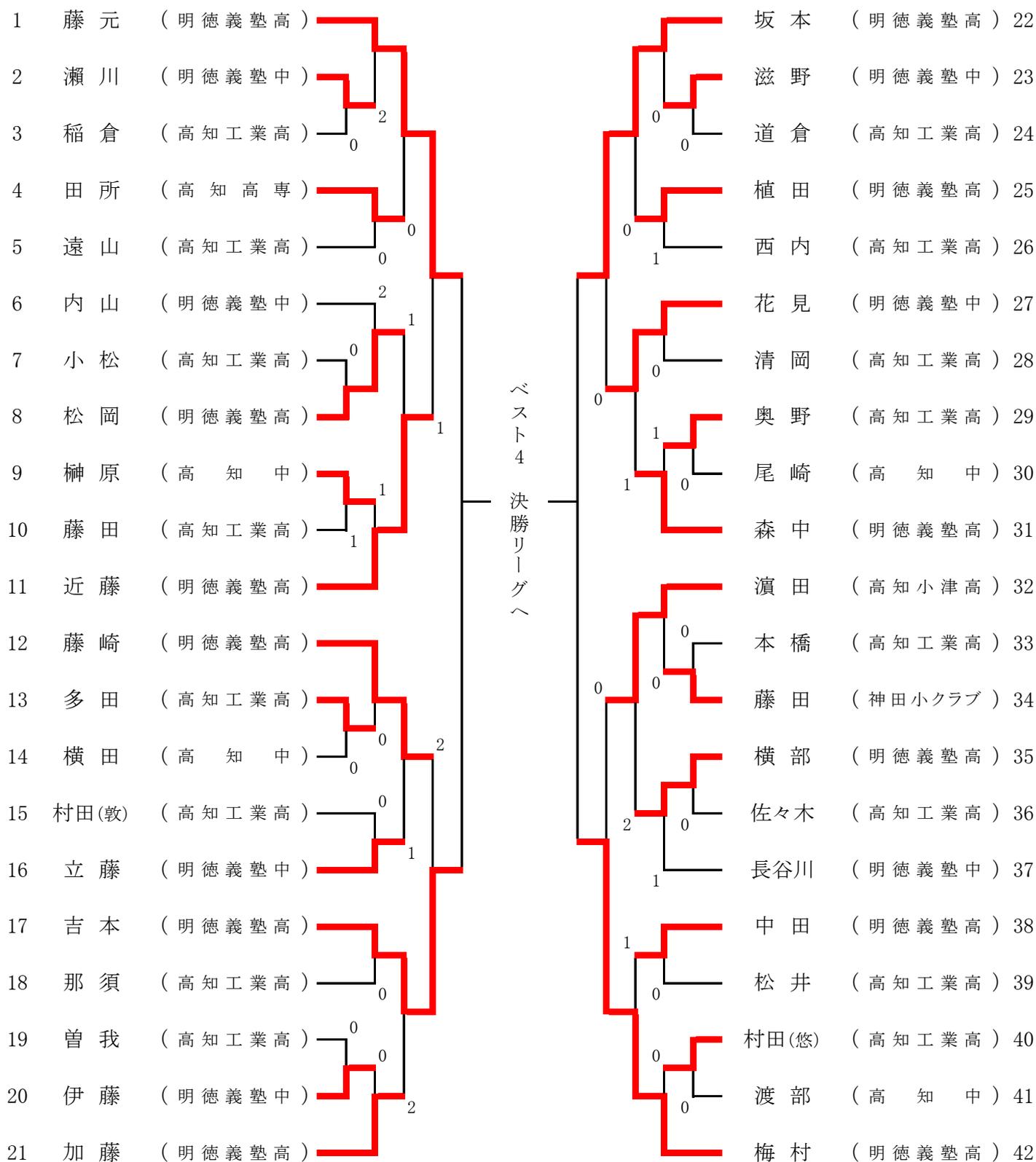
準決勝

藤元・青井 (明徳義塾高)	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> </table>	11	-	7	11	-	6	11	-	6	0	梅村・崎間 (明徳義塾高)
11	-	7											
11	-	6											
11	-	6											

決勝

安江・白山 (明徳義塾高)	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>8</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>15</td><td>-</td><td>17</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>8</td></tr> </table>	11	-	8	11	-	6	7	-	11	15	-	17	11	-	8	2	藤元・青井 (明徳義塾高)
11	-	8																	
11	-	6																	
7	-	11																	
15	-	17																	
11	-	8																	

ジュニア男子シングルス

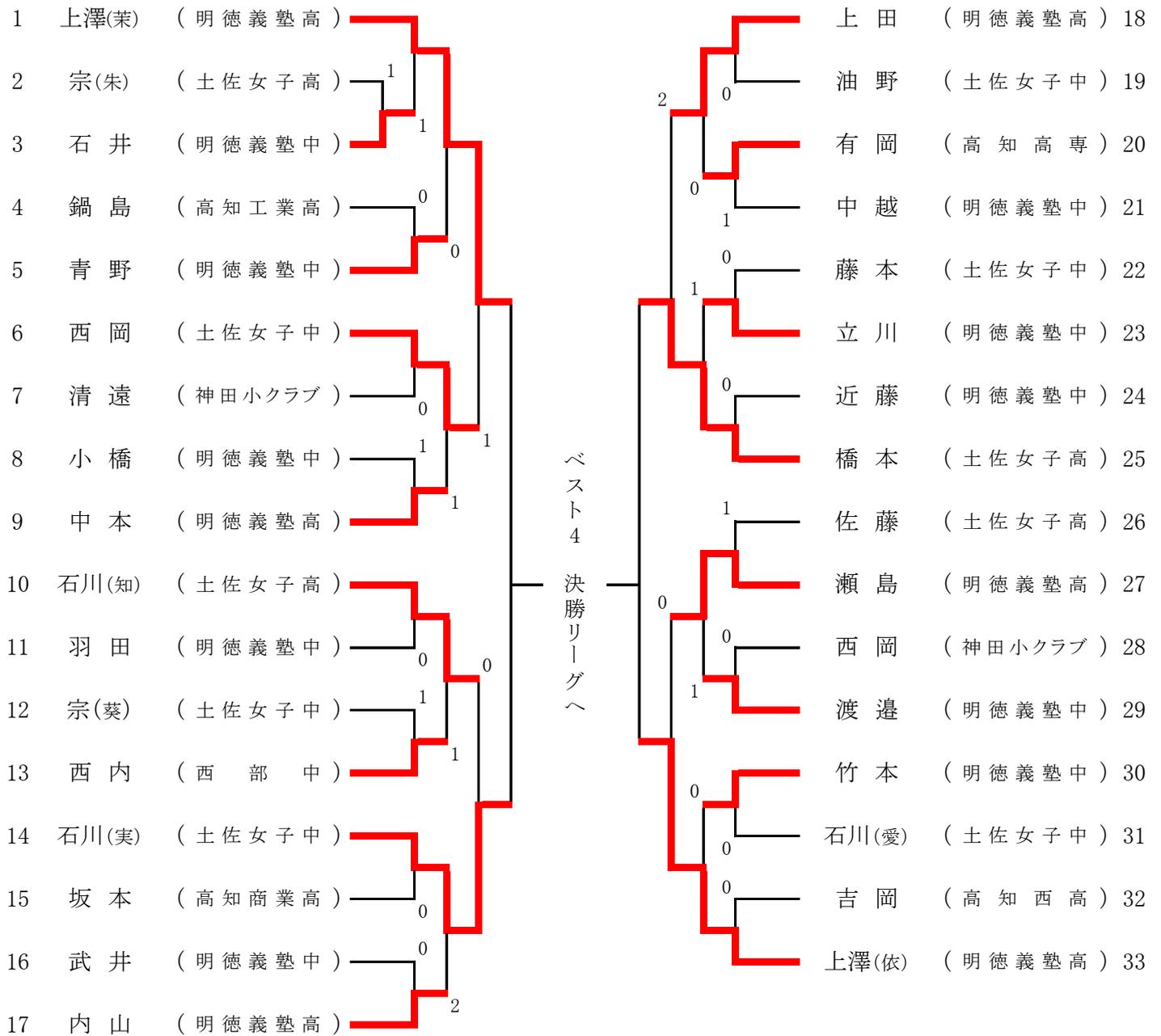


齊藤 秀太(明徳義塾高) 2021年度インターハイ ベスト16

推薦

都築 和仁(明徳義塾中) 2021年度全中ベスト8

ジュニア女子シングルス



推薦

白山 亜美(明德義塾高) 前年度全日本選手権ジュニアベスト4・2021年度インターハイベスト8

青井 さくら(明德義塾高) 2021年度インターハイベスト8

ジュニア男子シングルス 決勝リーグ

	藤元 (明德義塾高)	梅村 (明德義塾高)	坂本 (明德義塾高)	吉本 (明德義塾高)	勝 敗	順 位
1	藤元 (明德義塾高)	3	3	3	3-0	1
2	梅村 (明德義塾高)	0	3	3	2-1	2
3	坂本 (明德義塾高)	0	1	2	0-3	4
4	吉本 (明德義塾高)	0	3		1-2	3

ジュニア女子シングルス 決勝リーグ

	上澤(茉) (明德義塾高)	上澤(依) (明德義塾高)	橋本 (土佐女子高)	石川(実) (土佐女子中)	勝 敗	順 位
1	上澤(茉) (明德義塾高)	3	3	3	3-0	1
2	上澤(依) (明德義塾高)	2	3	3	2-1	2
3	橋本 (土佐女子高)	0	2	0	0-3	4
4	石川(実) (土佐女子中)	0	3		1-2	3